

Chúng minh cho cái gọi là chủ quyền “mang tính lịch sử”, giới hạn giới Trung Quốc đã n lập lu, đ ra nhng bng chng lịch s. Tuy nhiên, các bng chng mà h đ ra ra r t m p m, không có b t c tham chi u nào v v trí trích đ n chính xác, th m chí còn c tình s a đ i ngôn t g c.



M t trong nhng bài báo s khai nh t trình bày “bng chng lịch s” v nh n th c

và thực tiễn lâu đời của Trung Quốc đối với các nhóm đảo ở Biện công xuất hiện trên tờ *Nhân dân Nhật báo* (Renmin ribao 人民日报) ngày 25/11/1975 với nhan đề “Các đảo ở Biện công là lãnh thổ của Trung Quốc từ thời xa xưa” (

自古以來就是中國的領土

). Việc xuất bản bài báo trên tờ

Nhân dân Nhật báo

phản ánh lập trường chính thức của Trung Quốc và khuyến khích các học giả Trung Quốc nêu lập chứng minh tính xác đáng của các yêu sách lịch sử trên Biện công. Bài báo có ảnh hưởng sâu sắc tới quan điểm chính trị và học thuật trong tương lai về cách biến các đảo Biện công thành lãnh thổ của Trung Quốc. Nhóm phân tích cách mà bài báo của “Sử Dật Tử” (Shi Dizu

史迪祖

) thiết lập “chủ quyền lịch sử” đối với các đảo Biện công

[\[1\]](#)

, tôi sẽ xem xét mặt số nguồn từ liệu được nhắc đến ở bên dưới. Phân tích của tôi diễn ra vào đúng thời điểm khi Mỹ thực hiện các “hoạt động tự do hàng hải” (FONOP) ở Biện công với mục đích thông xuyên

[\[2\]](#)

và khi phớt lờn các hoạt động thông mại quốc tế toàn cầu đi qua khu vực này

[\[3\]](#)

. Bên cạnh đó, công đồng quốc tế đã bác bỏ các yêu sách của Trung Quốc trên Biện công. Phán quyết cuối cùng từ Tòa Trọng tài Thường trực ở The Hague vào tháng 7 năm 2016 đã tuyên bố Trung Quốc không có “quyền lịch sử” trên Biện công như nòng này với yêu sách trong công hàm năm 2009 có chứa bản đồ đường chín đốm

(

jiuduan-xian

)

[\[4\]](#)

. Tiến trình từ từ, được khởi xướng bằng việc Philippines kiện Trung Quốc vào năm 2013, bắt đầu vào năm 2015. Trung Quốc nhanh chóng bác bỏ Phán quyết, mặt lớn của vấn đề lịch sử cho lập luận rằng định quyền sẽ hữu của họ trên Biện công

[\[5\]](#)

.

Giới thiệu

Vào tháng 01/1974, Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc đã giành quyền kiểm soát quần đảo Hoàng Sa (Xisha qundao 西沙群島 – Tây Sa quần đảo theo cách gọi của Trung Quốc; tên gọi tiếng Anh là Paracel Islands) bằng việc đánh bại quân đội miền Nam Việt Nam đang đóng quân ở đây

[\[6\]](#)

. Do đó, Bộ tàng tỉnh Quảng Đông (Guangdong sheng bowuguan
广东省博物馆)
) và Phòng Văn hóa thuộc Khu Hành chính Hải Nam (Hainan xingzhengqu wenhuaju
海南省文化局)
) đã cử một nhóm học giả đến nghiên cứu về lãnh thổ của mỗi chiếm đóng vào giữa
tháng Ba và tháng Tư năm 1974. Nhóm học giả này phát hiện một số cổ vật như
đồng xu, các mảnh gốm sứ và đi tìm kết luận rằng “Quần đảo Hoàng Sa là lãnh thổ
thiên liêng của Trung Quốc kể từ thời xa xưa” (
广东省南海诸岛自古以来就是中国的领土
南海诸岛自古以来就是中国的领土
). Ngoài ra, các nhà nghiên cứu này cũng công bố một tài liệu [Thủy lộ bộ (shuilu bu

南海诸岛自古以来就是中国的领土
南海诸岛自古以来就是中国的领土
) của người dân Tô Đức Liêu (Su Deliu
苏德烈
) , từ Đàm Môn (Tanmen
潭门
) , ở phía đông của Hải Nam

[\[7\]](#)

ghi lại lịch trình đi đến các đảo và để cập đến các đảo và bãi biển ở Đàm Môn

[\[8\]](#)

Điêu thú về là kết quả của các cuộc khảo cứu trên đã cho ra ba bài báo xuất bản ở
Hong Kong - không phải Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa - cũng lập luận rằng từ, lập
lập để cập đến yêu sách lịch sử của Trung Quốc trong khu vực, dựa trên cơ sở các
tài liệu lịch sử [\[9\]](#) . Hai trong số các bài báo xuất hiện ở số tháng tư của tờ *Minh*
Báo Nguyệt San
(*Mingbao yuekan*

明报月刊
)

. Bài báo đầu tiên có nhan đề “Các vấn đề chủ quyền trên các đảo và rạn san hô ở
Biên cương” (
南海诸岛的主权问题
) của tác giả Đặng Tiểu Vĩ (Deng Siyu
邓锡禹
) đã tuyên bố hùng hồn rằng tất cả nhóm đảo trên Biên cương đều là lãnh thổ của
Trung Quốc.

南海诸岛的主权问题

) của tác giả Đặng Tiểu Vĩ (Deng Siyu

邓锡禹

) đã tuyên bố hùng hồn rằng tất cả nhóm đảo trên Biên cương đều là lãnh thổ của
Trung Quốc.

[\[10\]](#)

Ông Đặng Tiểu Vĩ cũng dựa trên một số tài liệu và bản đồ trước thế kỷ 19 để đưa ra
lập luận của mình, trong khi đó, bài báo thứ hai của các tác giả Diệp Hán Minh (Ye
Hanming

叶汉明

) và Ngô Thuy Khanh (Wu Ruiqing

吴瑞庆

) mang tính bao quát hơn và gồm các tài liệu Trung Quốc từ thời kỳ thời nhật trở đi.

[\[11\]](#)

Bên cạnh nguồn tài liệu tham khảo ngày càng tăng, bài báo của ông Diệp Hán Minh và Ngô Thuy Khanh còn bao gồm bản sao của các bản đồ. Tác giả của bài báo thời

ba - trong

Thời thập niên đầu

(

Qishi niandai

时期

) - Tô Tân (Qì Xīn

齐欣

) tập trung vào giai đoạn lịch sử thời kỳ 19, 20 và lý do vì sao Quốc gia Hoàng Sa đã là lãnh thổ của Trung Quốc từ rất lâu rồi. Công việc của ông Tô Văn, Tô Tân không đưa ra nhiều tài liệu của Trung Quốc thời đầu mà tập trung vào các chính sách thời hiện đại.

[\[12\]](#)

Hai bài báo của tác

Minh Báo

có mục đích làm rõ cách thức mà các nhà nghiên cứu phong kiến và hiện đại Trung Quốc đã nắm giữ kiểm soát các đảo ở Biên phòng và biên giới này thành lãnh thổ của Trung Quốc (

中国领土问题

). Có nhiều khả năng các tác giả của những bài báo này lấy định cơ viết bài từ việc Trung Quốc chiếm quần đảo Hoàng Sa và đưa quân đội Việt Nam Cộng hòa thời gian trước. Ở thời điểm đó, do tình hình quan hệ khả năng quân sự của Trung Quốc yếu hơn nhiều so với Mỹ, cho nên lập luận lịch sử có lẽ là vòng phòng thủ đầu tiên nhằm chống lại nguy cơ can thiệp của Mỹ nhằm trợ cho Việt Nam Cộng hòa.

Tìm biên phòng trong các tài liệu hiện đại: “Số 100” năm 1975

Trước sự xuất hiện bài báo của “Số 100” trên tờ *Nhân dân Nhật báo* năm 1975, ông Thiệu Tuấn Chính (Shao Xunzheng

邵训正

)(1909-1972) đã nói trên

Nhân dân Nhật báo

hồi

năm 1956 rằng một phần biên phòng là lãnh thổ lịch sử của Trung Quốc.

[\[13\]](#)

Ông Thiệu Tuấn Chính từng là một nhà nghiên cứu ở Viện Nghiên cứu Lịch sử

Tam của Học viện Khoa học Trung Quốc (

中国科学院)

). Ông lý giải rằng những thực thể biên xuất hiện trong các nguồn tài liệu từ thời thời tiền hiện đại của Trung Quốc đã cho đến trực tiếp đến các nhóm đảo Biện Đông; ông Thiệu Tuấn Chính tập trung vào khái niệm Thổ Châu đồng [

Qizhouyang

群岛

(biên hòn đảo Biện)], khái niệm đảo tác giả dùng để biểu thị quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa), và ông sử dụng thuật ngữ này để rất nhiều tài liệu. Trong các tài liệu trước thế kỷ 20 mà ông tiến hành khảo sát gồm có

Nguyên sử

(

Yuanshi

元史

) của Sĩ Bật (

Shibi

史比

);

Đạo chí lược

(Daoyi zhilue

道里略

)

(

1349; Lược thuật về những đảo hoang);

Tinh tra thống lãm

(

Xingcha shenglan

行查生览

) (khảo sát năm 1436); Vũ Bội chí (

Wubei zhi

武备志

) (1621; ghi chép về quân trang và quân bị);

Hải ngữ

(

Haiyu

海语

) (giữa thời Minh; các cuộc đời thoại biên);

Hải quốc văn kiến lược

(

Haiguo wenjian lu

海国文见录

) (năm đầu thế kỷ 18; Ghi chép về những gì nghe và thấy về các quốc gia biên);

Hải lược

(

Hailu

海录

) (1820; các ghi chép về Biên). Vì vậy, ông xây dựng một nhện thực liên tục về Hoàng Sa từ năm 1292 cho đến cuối thế kỷ Thanh, và tiếp tục cho đến thế kỷ hiện đại.

Trong 20 năm sau, bài báo của “Sở Hữu Tự” đã cung cấp nhiều bằng chứng mang tính “lịch sử” hiện thực quyên của Trung Quốc trên Biên phòng nhằm bác bỏ việc miền Nam Việt Nam phân định sự hiện diện của Trung Quốc trên quần đảo Hoàng Sa. Kể từ năm 1975 khi Hoàng Sa bị coi là lãnh thổ của Trung Quốc sau chiếm đóng quân sự, bài báo mới có ảnh hưởng sâu rộng hơn về mặt lãnh thổ được yêu sách cũng như các nguồn tài liệu được trích dẫn. Việc việc sử dụng các tài liệu lịch sử, “Sở Hữu Tự” lập luận rằng Trung Quốc hiện nhiên và luôn luôn có chủ quyền đối với quần đảo này () [14]. Bằng cách đó, “Sở Hữu Tự” lập luận rằng thặng phần hiện các tác giả của các bài báo đã xuất bản trước đó ở Hồng Kông, và có lẽ là vì việc Trung Quốc chiếm đóng Hoàng Sa của chúng và sự không bao giờ bị thách thức quân sự [15]. Việc Trung Quốc không ngừng lấy lịch sử làm lập luận cho quyền của mình trên Biên phòng tự nhiên nhằm hướng tới các nước Đông Nam Á xung quanh Biên phòng. Những quốc gia này không có bất cứ bằng chứng lịch sử nào để chứng minh và vì thế không thể thách thức được Trung Quốc. Ngoài ra, những luật lệ liên quan đến biển như Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS 1982) từ thời điểm đó vẫn chưa được hình thành.

“Sở Hữu Tự” là bút danh của các thành viên trong Nhóm Nhà lý Lịch sử của Viện Nhà lý thu thập Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc () hay Sở Hữu Tự (s hidizu)
đồng tác giả của bài viết xuất hiện lần đầu tiên trên tờ
Quang Minh nhật báo
(Guangming ribao
)

vào ngày 24 tháng 11 năm 1975 và được xuất bản ngay ngày sau đó trên tờ
Nhân dân nhật báo

[16]

. Rốt cuộc tài liệu mà “Sở Hữu Tự” phân tích đã được Diệp Hán Minh và Ngô Thụy Khanh khảo cứu trước đó.

“Sở Hữu Tự” tận dụng hàng loạt các tài liệu cho phép họ mang nhện thực mang tính giả định của Trung Quốc về Biên phòng và các đảo ở Biên phòng trong kho

hơn một nghìn năm. Những tài liệu này tạo nên một kho dữ liệu để những tác giả Trung Quốc sau này có thể tìm kiếm thông tin xuyên. [\[17\]](#)

Thay vì chỉ đơn thuần đưa ra tài liệu, “Sổ đỏ đất” phân các tài liệu thành từng loại khác nhau đưa ra bằng chứng cho việc đặt tên ban đầu các đảo, và hoạt động khai thác và canh tác trên thực tế và vị trí quan hành chính trong lịch sử qua các triều đại nối tiếp nhau của Trung Quốc. Điều này đã trở thành khuôn khổ chung cho các nhà lịch nghiên cứu quan trọng cũng như những tuyên bố chính thức cho đến thời điểm gần đây của các quan chức chính phủ.

Các tài liệu lịch sử thành thông điệp trích dẫn, những nhìn chung “Sổ đỏ đất” không đưa ra bất cứ tham chiếu nào về vị trí trích dẫn chính xác. Tôi đã xác minh các trích dẫn trong tài liệu gốc và dịch lại những nguồn trên nhiều nhất có thể. Những cảm tưởng chính đóng vai trò quan trọng trong lập luận của Trung Quốc về Biên niên là *trường hải* (zhanghai 漳海) (biên nguy hiểm), *thực đảo* (shitang 石塘) (bãi đá),

v

quan lý thực đảo
(
wanli shitang
漳海
)

(bãi đá vụn dầm),
quan lý thực đảo
t
(
wanli shitang yu
漳海
) (bãi đá nhô vụn dầm),

trường sa
(
changsha
漳沙
) (bãi cát),
quan lý trường sa
(
wanli changsha
漳沙
)

(bãi cát mồi nghìn dầm),
thực châu đảo

(
qizhouyang
)
(bộ y hùn đờo ngoài biên),
Cửu Nhị Loa châu
(
Jiuruluozhou
)
(Quần đờo Cửu Nhị Loa)

[\[18\]](#)

, v.v.... Vì những nơi đó có tên bằng tiếng Hoa, Trung Quốc nước này mới định những thổ thổ này là lãnh thổ của họ theo quy tắc “ngồi đất tên là ngồi sỏ họ”. Các nguôn tài liệu mà “Sổ đỏ t” tham khảo bao gồm các bản ghi chép chính thức và không chính thức về các triều đời, các bản ghi chép chuyên đi, công báo đờa phờng, sách hờng đờn hành trình, bản đờ, các bài báo cuội thổ kờ XIX, đờu thổ kờ XX và sách hờng đờn hàng hời của Anh.

Nguôn tài liệu tham khảo

Sau đây tôi sỏ xỏ lý các nguôn trích đờn tiờn hiờn đời của Trung Quốc mà “Sổ đỏ t” đờ cỏp đờn cho đờn đờu thổ kờ XIX. “Sổ đỏ t” đã đờa ra các nguôn tham khảo đời hai tiêu đờ chính, đờu tiên là “Lịch sỏ lâu đời về phát kiờn đờa lý” () và thổ hai “Sỏ khai phá cờn mờn, liên tục không ngừng”

(

)

. Tiờp nời hai đờ mỏc này là mỏt mỏc có tên “Quần lý hành chính của các chính quyờn Trung Quốc trong lịch sỏ đời về các đờo trên Biên niên” ()

[\[19\]](#)

, mỏc này sỏ đờng nhiờu tài liệu lịch sỏ hờn. Bài báo kờt luận bằng mỏt mỏc có tên “Lãnh thổ thiêng liờng bở khỏ xâm phỏm” ()

) tập trung chủ yếu vào các yếu sách của Trung Quốc trên Biên niên vào thế kỷ hai mươi. Những tài liệu chủ yếu bao gồm các bài viết tập chí và biên độ tập giai đoạn sau của thế kỷ XIX và những thập niên đầu của thế kỷ XX ở mức hai và bốn đã được Bill Hayton xử lý rồi và tôi muốn cung cấp thêm cho người đọc những phân tích chi tiết của ông về chủ đề này.

[\[20\]](#)

Ở phần sau, tôi sẽ đề cập đến các nguồn tài liệu lịch sử xuất hiện ở mức một, hai và ba.

Lịch sử lâu đời và phát kiến địa lý

Loại bìa chằng bìa tài liệu đầu tiên dưới tên đề mục bắt đầu với *Hou han shu* (Hou Hanshu))

(Lịch sử của triều hậu Hán) của Tể Thạ (Xie Cheng

) (khoảng thế kỷ 3) là những mảng rời rời. “Số 00 t” đề cập đến một mục trong tài liệu được lưu trữ ở bách khoa toàn thư

Thái Bình ng ằm

(
Taiping yulan

) thời kỳ đầu nhà Tống (938; Tài liệu dành cho Vua Tống được trong thời kỳ có niên hiệu Thái Bình):

Trần Mao (Chen Mao) [\[21\]](#), từ Nam (Runan), từng là người họ Tống/ tùy tùng thân cận (biệt giá - bieja) ở Giao Chỉ, nơi từng có một Thích Sĩ Hành Bồ ngày trước (jiu cishi xingbu) và ông ta không thể b qua trình hội (zha nghai

). Khi Chu S (Zhou Chang

) ra khơi, gió nổi lên và có nguy cơ đánh sập thuyền, Trần Mao rút thanh gươm trong tay, quát trách thủy thủ và ngay lập tức gió lặng xuống.

[\[22\]](#)

Cách đo đạc v này kỹ về việc quản lý Biên niên, như “Số 00 t” đã nói, v của

được làm sáng tỏ. Phần văn này kể về một hành trình khó khăn ra biển nhưng không trở thành một bằng chứng thuyết phục cho việc “tuần hành” (*xunxing*) trên biển.

[\[23\]](#)

Thay vào đó, cảm danh từ nguyên gốc “Thích Sĩ Hành B”

(*cishi xingbu*

))

) đã bị chuyển thành cảm từ “tuần hành trên biển” (hành bộ trung hải)

(*xingbu zhanghai*

))

) qua việc lý giải lại từ

hành bộ

(

xingbu

))

)

nhỏ một

đ

ng từ thay vì chức năng

))

ng gốc của từ này là một phần của danh từ chính thức.

Những tác giả sau này như Nam Minh Tử (Nan Mingzi) [\[24\]](#) đã đưa ra một phần khác của

H

u Hán sử

của bách khoa toàn thư

Sử học ký

(

Chuxueji

))

)

thị

))

ng (n

đ

u th

))

k 18):

Các công níp từ bộ y trung đoàn của Giao Chỉ được gọi qua trung hải [\[25\]](#).

Trích dẫn này cho rằng phía Bắc Việt Nam (Giao Chi) là lãnh thổ dõngi quy ủa n của Trung Quốc và ảm chõ rõng vùng biõn giõa mi
đ
n Bắc Việt Nam và Trung Quốc phõi là của Trung Quốc.

Tài liệu tiếp theo, *Nam Châu dõ võ t chí* (Nanzhou yiwu zhi 南州一物志) do Vạn Chõn (Wan Zhen 万震) chõ biên trong suõ t giai đõn Tam quõc (thõ kõ thõ ba) đõ trích dõn trong *Thái Bình ngõ lã* nhõ sau:

õi thuyõn tõ hõng Tây Nam đõn õng Bắc, sõ thõy nhõng ghõnh đá lõn nõi lên tõ trõng hõ. đõ
ó nõc nõng và có nhi
õ
u khe
đ
á.
[\[26\]](#)

Lõi giõi thích đõc đõa ra õ đây là cho cõm tõ mô tõ các bãi chõm và đá chõm mà các tàu mõc phõi trong hành trình tõ
õ
õng Nam Á tõi phía Nam Trung Quốc. Või “Sõ
õ tõ”, cõm
đ
ó chõng minh cho “[viõc Trung Quốc là nõc]
đ
õu tiên phát ki
õ
n và mô tõ v
õ

các

đ

o Bi

đ

ông”. Tuy nhiên, thông tin còn m p m, ngu n tham kh o này t

Nam Châu d v t chí

đ

ã

đ

c b sung trong các n ph m sau, th m chí là ng h hoàn toàn

D v t chí

(Yiwu zhi

)

(Ghi chép v

đ

nh ng chuy n l) c a D ng Phù (Yang Fu

)

) t th i H u Hán (25-220 CN).

[\[27\]](#)

Lý do kh thi nh t cho s thay

đ

i này là

D v t chí

đ

ã có tr c

Nam Châu d v t chí

vài th p k.

[\[28\]](#)

D v t chí

cho r ng:

Có nh ng hòn đá g gh t tr c ng h i, n c nông và có nhi u khe đá. Ng i n c

ngoài (ki u ngo i nhân) (jiaowairen

)

[

]

]

– tác gi v

]

t nh m Hán t])

đ

i vào trên các tàu l n có m n tàu b ng kim lo i. Khi t i các eo bi n, nh ng tàu này không th

đ
i qua vì các t^{ng}
đ
á có l^c t[.]
[\[29\]](#)

oⁿ này nhⁿ m^{nh} đⁿ vi^c va vào các bãi cⁿ và đá là không th <sup>tránh khⁱ khi
đi tàu vào vùng ch^a đ^c</sup>

khám phá.

i

u
đ
ó ám ch ^{r^{ng} giao thông trên biⁿ t ^{phía tây nam}}

đ

n
đ
ông b^c không phⁱ do ng^{oⁱ} Trung Qu^c, mà là “ng^{oⁱ} n^{o^c} ngoài”, có th ^{h^u h}

t là ng^{oⁱ}

ông Nam Á. Nh^{ng} ng^{oⁱ} n^{o^c} ngoài này
đ
ã c^{nh} báo ng^{oⁱ} Trung Qu^c v

nh^{ng} nguy hi^m khi th^c hiⁿ các chuy

n hành trình t^{ng} t ^b

ng qua biⁿ b^{ng} thuy

n. ^{b^t c ^{tr^{ng} h^p nào, vi^c}}

đ

c^p

đ

n các tr ^{ngⁱ ^{vùng biⁿ ch^a}}

đ

c ^{xác}
đ

Đến nay là rất khó chấp nhận việc là nhận thức ban đầu

của các nước Trung Quốc và

các

đ

đoạn Biển

đ

ông. Trong yêu sách trên Biển

đ

ông bằng ti

đ

ng Anh vào ngày 17 tháng 11 n

đ

m 2002, Bộ Ngoại Giao

đ

ã dịch

trở lại hình

đ

th

(

zhanghai ritou

□□□□

) là “các

đ

đo,

đ

á, bãi cát và bãi biển quần

đ

đo Hoàng Sa và Trường Sa trên Biển

đ

ông”.

[\[30\]](#)

Yêu sách này ti

đ

p tức cho rằng

k

đ

th

là một thuật ngữ chung

đ

đo của Trung Quốc sử dụng nhóm

đ

đ

cấp

đ

đ
n “tất cả các
đ
o,
đ
á, bãi cạn và
đ
o như là Biện
đ
ông, bao gồm Trường Sa và Hoàng Sa”. Lợi ích thích trên c
đ
ng
đ
đặc sđ dành cho phiên bản ti
đ
ng Trung Quốc của yêu sách nước này ngày 22 tháng 11 n
đ
m 2002.
[\[31\]](#)
Bản dịch ti
đ
ng Anh có phần thiên lệch nhằm thuy
đ
t phđc đđ luđn nước ngoài rằng những yêu sách của Trung Quốc là chính
đ
áng. Ngoài ra, bản dịch còn làm rõ thêm ngh
đ
a của từ “k
đ
thđ” là nhằm gđp tất cả các thđc thđ nđi khi thđy tri
đ
u cao c
đ
ng như các bãi cạn lúc chìm lúc nđi của Biện
đ
ông. Như vậy,
đ
ó là mđt thuđt ngđ bao trùm tất cả các
đ
o và bãi chìm mà Trung Quốc thêm muđn. Liệu có ai còn có thđ lđp luđn hođc
tranh luđn vđi “bđng chđng lịch sđ” này n
đ
u thi
đ
u hiđu bi
đ

t ti
ng Trung Quốc?
[\[32\]](#)

Jianming Shen đã đưa ra một bản dịch thm chí còn m p m h n v đon v n
trong b n
Nam Châu đ v t chí
Thái Bình ng l m
[\[33\]](#)

:

Có các đ o nh , bãi ng m và đá Bi n n g và vùng n c đ ó thì n ng và đ y đ
á có t tr ng. Các th y quân khi
đ
i tu n tra dùng thuy
n l n có v s t; khi
đ
n khu v c này, do nh ng bãi
đ
á t tr ng h không th ti
n xa h n.
[\[34\]](#)

Jianming Shen đã chuy n t cách g i các đá thành “các đ o nh , bãi c n, đá và b
cát”
[\[35\]](#)
“tr ng h i” thành Bi n
ng; và ng i n c ngoài thành “các th y quân khi
đ
i tu n tra”
[\[36\]](#)
. B ng vi c thay
đ

đi thđ tđ cđa các ký tđ

ki

đ

u ngođi nhân

(

jiaowairen)

thành

ngođi ki

đ

u nhân

(

waijiaoren)

, ông

đ

ã chuyển cách gọi ngđđi nđđc ngoài tđ “ngđđi ngoài biên giđđi” (ki

đ

u ngođi - jiaowai

đđ

) thành các thđy quân “tuđn hành đđ biên giđđi” (ngođi ki

đ

u - waijiao

đđ

). Ông c

đ

ng thay

đ

đđi tđ

bđc

(

bo

đ

) vđn có ngh

đ

a là mđt lođđi tàu có nguđn gđc tđ

đ

ông Nam Á

[\[37\]](#)

thành tđ

thuy

đ

n

(

chuan

đ

)

. Qua

đ
ó, ông chuyển từ tàu nước ngoài thành tàu Trung Quốc, thay sự quan sát của các
thực thể nước ngoài thành quan sát của thực thể Trung Quốc. Vì th

đ
, Jianming Shen

đ
ã bị
đ
n tài liệu trên phác vẽ việc mô tả bị cấn mà trong

đ
ó các thực thể quân Trung Quốc

đ
ang ở một vùng biên do Trung Quốc kiểm soát, bị

đ
i ngh
đ
a góc nhìn thực hiện việc các thực thể của

đ
ông Nam Á

đ
ã
đ
i qua một vùng biên mở. Các tàu này có các lớp vỏ sơn trắng và n

đ
u bị va vào
đ
á. Từ trung của

đ
á phản ánh việc và chếm với
đ
á là không thể tránh khỏi và các tàu

đ
đặc t
đ
ng công việc với kim loại không phải bằng lõi do từ trung mà bị không có cách
nào vượt qua các vật cản.

[\[38\]](#)

Phù Nam truyện (Funan zhuan 扶南傳) (Ghi chép về Phù Nam; hay còn gọi là: Ngô thực
ngoại quốc truyện *Wu shi waiguo*
zhuan (扶南傳)

là bản ghi chép của Khang Thái (Kang Tai
康泰

) và Châu Ying (Zhu Ying

))
) v
))
hành trình từ Phú Nam của họ (phía Nam Việt Nam ngày nay) vào th
))
kể th ba. Chỉ có những mảnh ghi chép rời rạc còn lại trong các nguồn trích dẫn ở
bách khoa toàn thư)) giai

đ
o))n
))
))ng và T))ng. Những ghi chép này

đ
))c Trần Giai Vinh (Chen Jiarong
))
) biên tập và xuất bản.

[\[39\]](#)
))
o))n v
))
n nguồn có liên quan
đ
))c trích dẫn từ bản gốc))
Thái Bình ngẫm
có nội dung như sau:

)) vùng trung hội, người ta sẽ gặp các *san hô châu* (shanhuzhou)))) [\[40\]](#) nội mà
san hô mọc trên
đ
á.
[\[41\]](#)

Theo “S)))) t””, điểm v))n này cho thấy rằng thủy thổ Trung Quốc thời xưa có
“nh))n thực khá chính xác” ()))))))))) và hình dáng và
cấu trúc của các
đ
o)) Bi))n
))
ông. Vị trí của các
đ
o san hô này chỉ là thủy y
))

u, vì

trường học

đ

đ

oán trích trong “S

đ

đ t” là Biên

đ

ông. Là một trong những thuật ngữ quan trọng trong lập luận của Trung Quốc, các học giả Trung Quốc

đ

ã liên ti

đ

p và nhữn mnh rng

trường học

chính là Biên

đ

ông.

Roderich Ptak đã chỉ ra rằng trọng đó, nghĩa cuối cùng trong việc giải thích thuật ngữ *trường học* chưa được tìm ra, và

tranh luận v

đ

ang ti

đ

p t.c.

[\[42\]](#)

Trong các nghiên cứu ban

đ

đ của Ptak v

đ

thuật ngữ này, ông

đ

ã giải thích rằng

trường học

- một thuật ngữ mà ông không dịch ra ngh

đ

a nào khác ngoài “biên

Trường

” (“Zhang Meer”) - là thuật ngữ dùng

đ

đ mô tả vùng biên ngoài Qu

đ

ông, bao quanh

đ

Ho Hui Nam, và Vinh Bức B.

[\[43\]](#)

Cuối cùng, thuật ngữ này bao gồm hầu h

ết vùng biên tế Quảng

ông

đ
n n

Đông. Như vậy,

trường hợp

không nhất thi

t là

đ
cấp tại một vùng biên

đ
ã xác

đ
nh chức chèn mà là một thuật ngữ mộp m cho một vùng biên không xác

đ
nh.

“Số 00 t” không đưa ra bất cứ một nguồn trích dẫn nào để giải thích cho việc đặt tên của Trung Quốc cho Biên

ông hoặc bất cứ thực thể nào khác

đ
ó giai

đ
oàn gia thi Tam Quốc và thi

đ
ông (t th

đ
k 3

đ
n th

đ
k 10); thi

đ

u tài liệu cho giai
đ
oàn này, “S
t” chuyển sang th
đ
i nhà T.
[\[44\]](#)

Lý do chính khi
đ
c
đ
n
Bình Châu kh
đ
àm
(
Pingzhou ketan
)
) (
đ
u th
k 12) của Chu Úc (Zhu Yu
) là do
đ
ây là một trong những tài liệu
đ
u tiên mô tả việc
đ
i thuy
đ
n có sự đóng la bàn. Mặc dù việc sử dụng la bàn t
đ
i
đ
u kiến thức lái cho việc
đ
i
đ
u hàng trên biển, những “S
đ

“t” giới thích rằng các thuy th không xác

đ

nh

đ

các các v trí

đ

ó. Vì không có

đ

o, r san hô hay

đ

á nào

đ

đ

đ

đ

c p

Bình Châu kh

đ

àm

, “S

đ

“t”

đ

ã liên h

đ

đ

n

L

đ

nh ngo

đ

i

đ

áp

(

Lingwai daida

đ đ đ đ

) (1178) của Châu Kh Phi (Zhou Qufei

đ đ

) (?-sau 1178).

....

toàn bộ bản dịch t [đây](#) .

*Johannes L. Kurz, Tiến sĩ khoa Khoa học Xã hội và M (FASS), đại học Victoria
quốc Brunei, chuyên nghiên cứu về lịch sử Trung Quốc. Bài viết được đăng trên [China and the World – the World and China](#)
, Vol. 3, tr.133-160.*

Dịch: Trần Thị Kim Nguyên, Nguyễn Phương Hoài

Hiệu đính: Trần Quang

[1] Tôi sử dụng thuật ngữ này nhằm thể hiện các đá, đảo, bãi cạn và đảo san hô mà Trung Quốc vận chuyển để cướp đảo là Nam Hải chi đảo (Nanhai zhudao 南海诸岛).
Thuật ngữ
chi đảo
đảo cướp đảo Tây Sa
đảo
(Hoàng Sa), Đông Sa
đảo
(Pratas Islands); Trung Sa
đảo
(Bãi Macclesfield) and Nam Sa
đảo
(Trần Sa). Hiện Đông Sa đang do Trung Quốc quản lý, các đảo khác vẫn đang trong tranh chấp với các nước ở Biển Đông. Khi Trung Quốc bắt đầu dự án xây đảo trên các thực thể này, một số thực thể đã biến thành “đảo”, ví dụ như đá Xu Bi (Zhubi jiao 渚碧礁, quần đảo Trường Sa). Đá Xu Bi chỉ nổi khi thủy triều thấp, còn khi thủy triều lên cao, thực thể này biến mất, đá Xu Bi biến thành đảo nhân tạo qua quá trình bồi đắp kể từ năm 2014. Về quá trình phát triển của đá Xu Bi, xem Sáng kiến Minh

bách Hàng hải châu Á 2019. Về mặt pháp lý, các đảo có thể tạo ra một vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp và vùng đặc quyền kinh tế, ngược lại các bãi cạn lúc chìm lúc nổi không thể tạo ra các vùng này. Xem Freund 2017.

[2] Một trong những hoạt động TĐ do hàng hải (FONOP) gần đây nhất được tiến hành vào tháng 1 năm 2019. Xem Storey 2019. Hải quân Hoàng gia Anh gần đây đã tham gia cùng Hải quân M. Xem Hải quân Hoàng gia 2019.

[3] Vào năm 2016, hoạt động thường mồi có giá trị tổng cộng gần 3.4 nghìn tỷ USD đi qua Biên phòng, chiếm khoảng 1/5 thường mồi toàn cầu tại thời điểm đó. Xem China Power Team 2017.

[4] Về phán quyết (có bản PDF) xem Tòa Trọng tài Thường trực 2016. Về công hàm có bản đồ của Trung Quốc đã trình lên Liên Hợp Quốc xem Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa 2009. Cũng có thể xem phần ứng của Bộ Ngoại giao M 2014. Các học giả phương Tây trước đó cũng đã bác bỏ khái niệm “quyền lịch sử” của Trung Quốc vì những yêu sách này không đáp ứng “các chuẩn mực của luật pháp quốc tế”. Xem Dupuy và Dupuy 2013. Xem thêm Kopela 2017.

[5] Xem Bộ Ngoại giao Trung Quốc, 2016. Xem thêm số bác bỏ của Hội Luật quốc tế Trung Quốc về phán quyết, đồ cặp nhiều nguồn có trong bài báo của “Số 0000” dưới tiêu đề “Thực tiễn của Trung Quốc trên Biên phòng trước Th 20. Xem Hội Luật quốc tế Trung Quốc 2018, 455-457.

[6] Về báo cáo của miền Nam Việt Nam về cuộc chiến, xem Ho 2014. Bộ Ngoại giao Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã chỉ trích sự hiện diện của quân miền Nam Việt Nam ở Nhóm đảo Lôi Liêm (Yongle qundao , nhóm đảo phía Tây) ở Hoàng Sa là “xâm phạm” lãnh thổ của Trung Quốc và lỵ c s dng v l. Xem Zhonghua renmin gongheguo waijiaobu 1974.

[7] Về *Thủy lư ba* và *Canh lư b* (*genglubu*) xem Kurz. Tài liệu của Tô Liêu được coi là nguồn tham chiếu quan trọng về các hoạt động liên tục của người dân Trung Quốc tại các đảo trong bài báo xuất bản trên tờ *Nhân dân Nhật báo*

năm 1976. Xem
Nhân dân Nhật báo
năm 1976.

[8] Quảng Đông tỉnh vạt quán (Guangdong sheng bowuguan 广东省公安厅) năm 1974. Các thành viên của cùng viên nghiên cứu cũng đã tiến hành cuộc điều tra khác năm 1975 và có kết quả được xuất bản là Quảng Đông tỉnh vạt quán (Guangdong sheng bowuguan 广东省公安厅) 1976.

[9] Vương Hằng Kiệt (Wang Hengjie 王恒杰) (1932–1996) hỗ trợ các lập trình chính thức biên giới biên soạn hai báo cáo vạt nghiên cứu khảo sát tuyên bố sở hữu biên giới của Trung Quốc ở Hoàng Sa và Trường Sa trong khoảng hơn 2500 năm (Wang Hengjie 1992, 776-777) và hơn 2,000 năm (Wang Hengjie 1997, 68-69). Bài báo sau xuất hiện ngay sau đó. Năm 2012, Xu Yongjie và Fan Yiran đã đưa ra một bản tóm tắt về các cuộc nghiên cứu khảo sát lịch sử các đảo ở phía Nam Trung Quốc Biện Đông. Về các bằng chứng khảo sát lịch sử của các đảo ở phía Nam Trung Quốc, xem Lassere 1999. Một trong những vấn đề lớn đó là không có cách

nào có thể xác định phương thức các đảo gò, đống xu và các di vật khảo sát khác được đưa đến các đảo.

[10] Deng Siyu 1974.

[11] Ye Hanming and Wu Ruiqing 1974.

[12] Qi Xin 1974

[13] Shao Xunzheng 1956. Ju Jiwu 居积武 1954 có một mục (tờ 44-46) tập trung chú ý vào tài liệu về thời kỳ mậu dịch chín và hai mậu dịch.

[14] “Chức quy định không tranh cãi của Trung Quốc đối với các đảo ở Biên phòng”. Đây là tuyên bố được lập đi lập lại như thính chú trong các tuyên bố chính thức liên tiếp của Trung Quốc. Ví dụ, xem Bộ Ngoại giao Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa 1980; 1988; 2011; 2015; 2016

[15] Trong khi Việt Nam là bên thách thức chính của Trung Quốc ở Biên phòng và Philippines đang quan tâm trong quan hệ với Trung Quốc được biết là diễn ra thời Tổng thống Duterte, các nước ASEAN vẫn giữ im lặng với vấn đề này. Như đã đề cập trước đó, Mặt sự động hoạt động từ do hàng hải (FONOP) thách thức Trung Quốc, mặt sự FONOP được tiến hành ở Hoàng Sa. Với FONOP của Mặt cho đến năm 2017 xem thêm Standifer 2017.

[16] Mặt bản dịch tiếng Anh xuất hiện vào ngày 12/12 như Shi 1975. Danh tính của ba tác giả được tiết lộ là: Li Baotian 李保天, Song Lifu 宋黎夫 and Zhu Dexiang 朱德祥

Zhu Zhenhai 朱镇海

朱镇海

, người đã đồng hành cùng ba tác giả trên, làm việc ở Phòng của Mặt (dimaoshi 地摩士)

朱镇海

) trong Viện Hàn lâm Khoa học. Các nhà chức trách có liên quan đã từng thông báo cho những tác giả này vì những nỗ lực với các hội tiến hành nghiên cứu nhiều hơn về Hoàng Sa năm 1976. Năm 1977, “Số 000” đã có mặt bài báo cáo về chuyển đi này, Tây Sa hành

朱镇海

朱镇海

地摩士 *lí tri thức*

(Dili zhishi 地摩士)

朱镇海

朱镇海

) số 2 và 3. Tôi chưa tiếp cận các bản phôi này. Họ đã xuất bản các hội ký liên quan đến vấn đề này vào năm 2010. Xem Số 000 2010. Li Baotian đã xuất bản mặt bài viết về việc kiểm soát chuyển đi năm 1976 tại Hoàng Sa. Xem Li Baotian 2016.

[17] Nội dung tiên trong số đó có lẽ là Nam số 1, Nghiên cứu số của Hội học Hồ Môn (南海问题研究) 1975. Bài báo đầu tiên của hội, được lập ra ở Nam số 1

(Nanshizu 南海志)

南海志

), ngày 1/12, 1975.

[18] Tôi vẫn chưa tìm được một bản dịch phù hợp với thuật ngữ này. “Cổ Loa Châu” là một địa điểm có xem xét đến giới định của “Sổ địa đồ” và các rừng san hô ngầm. Một địa điểm khác là xem xét *Cổ Loa* như một thông tin địa và các bãi đá.

[19] Mục này có thể được lấy cảm hứng từ một bài báo có tiêu đề và lập luận tương tự. Xem Lin Ronggui 1990.

[20] Xem Hayton 2014, các bài từ trang 29-60, và gần đây nhất Hayton 2018a và 2018b.

[21] Chen Mao giúp đỡ Zhou Chang, hoàn thiện Yuzhou ở Trung Quốc người đã bị nhậm ông làm tùy tùng. Xem *Thái Bình ngữ lục* 263.1b (tr. 1230).

[22] *Thái Bình ngữ lục* 60.1b (tr. 287).

[23] Tuy nhiên Jianming Shen tuyên bố chính xác như vậy bằng việc thay đổi sự qua văn bản gốc để được là hành bị trộm cắp (*xingbu zhanghai* 行部张海) và dịch cảm này là “cuộc khảo sát và tuấn hành của thủy quân đến các đảo ở Biên niên”. Xem Shen 1997, 18.

[24] Nan Mingzi là bút danh của nhà sử học Chen Jiarong 陈纪戎. Bài báo trong câu hỏi là Nan Mingzi n. d. Trong phiên bản gốc của bài báo – Chen Jiarong 1982 – Chen đã không đề cập tới Hào Hán th.

[25] *Sổ địa đồ* ký 6.115.

[26] *Thái Bình ngũ lãm* 790.7b (tr. 3501).

[27] Xem, ví dụ, Hàn Chấn Hoa 1988, 23; Bộ Ngoại giao Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 2000; Trung Hoa Dân quốc năm 2016.

[28] Ye/Wu năm 1974, 10, cũng đã chép đến *Yiwu zhi*. Nếu “Số 00 t” tiếp cận đến bài báo này, có lẽ họ đã khai thác bài báo này do tính lâu đời của bài này với *Nanzhou yiwuzhi*

[29] *Yiwu zhi*, 3. Chú thích côm t liên quan t *Yiwu zhi*, được trích dẫn trong *Zhengde Qiongtai zhi*

□□□□

42.14b, khác một chút so với côm t trong bài đã chỉnh sửa của *Yiwu zhi*

[30] Bộ Ngoại giao Trung Quốc năm 2000.

[31] *Zhonghua renmin gongheguo waijiaobu* 2000.

[32] Văn bản đầu tiên bằng tiếng Anh kể từ năm 1970 đã chấp nhận yêu sách lịch sử của Trung Quốc và trở thành tài liệu được trích dẫn trong các nghiên cứu sau này. Xem Hayton 2018b, 4.

[33] *Taiping yulan* 988.3a (tr. 4372).

[34] Shen Jianming 2002, 113-114.

[35] Trong Shen Jianming năm 1997, 18, thuật ngữ *kết thúc* gợi thích tất cả các nghĩa này.

[36] Trong bài báo đầu tiên Shen đã dịch không càng sai lịch đơn: “các quan chức làm nhiệm vụ tuần tra đi thuyền lớn đã đi sang đi thuyền nhỏ để đến đến đến vùng này [...]” Xem Shen 1997, 19.

[37] Manguin 1980, 274

[38] Các thay thế chủ yếu có 19 mới có nhiều thông tin về thế hệ và vị trí các bãi chôn, đống san hô, bãi đá ngầm. Cho đến lúc đó, các thuyền theo sau mặt lộ trình biến đã được thiết lập trước đó dựa theo các biến niên Đông Nam Á. Xem Mi nh Hà Pham 2016.

[39] Chen Jiarong 2006

[40] *San Hô châu* là một thuật ngữ mới khác dù chưa được xác định và được các tác giả Trung Quốc thời hiện đại dùng để chỉ các đống ở Biện Đông. Xem tham khảo Liu Nanwei 1996, 13-14.

[41] *Thái Bình ngữ* 69.3b (327). Cũng có thể xem Hàn Chấn Hoa năm 1988, 25. Về các rặng san hô xem Ptak 1990.

[42] Ptak 2007, 236.

[43] Xem theo luận chi tiết về thuật ngữ *trường hải* tại Ptak 2004.

[44] Ye and Wang năm 1974 đã thi hiển *Guangzhou tonghai yidao* 廣州通海異道 (Các tuyến đường biên tế Quảng Châu tại nước ngoài), biên soạn bởi Jia Dan

賈丹 (730–805) là nguôn tham khảo chính thức tại thời nhà Tống. Mô tả tuyến đường tại Quảng Đông tại các nước Đông Nam Á, có trong

Tân Đông Th

(1060) 43A.1153. Hàn Chấn Hoa đã c b sung cho thi u sót của thi Tuy-Đông. Trong số các tác phẩm mà ông đ xuất là Tuy Th

Suishu

史 (656; Lịch sử chính thức v nhà Tuy), bao gồm bản ghi chép v vi đi l i th ong xuyên đ n Hoàng Sa mà ông ngh có tên là Jiaoshishan

賈

, r ng

Tongdian

賈

(801) đã ghi nh n các gi i ch c đi thuy n qua Hoàng Sa (Jiaoshishan), và các tuyến đường hàng h i t Quảng Châu ra bên ngoài (

Guangzhou tonghai yidao)

đã đánh d u Hoàng Sa

v i tên gi i

Xiangshi

賈

. Xem thêm Hàn Chấn Hoa 1988, 29-31.